

## CHI QUAO NÚI (*Stereospermum* Cham.) VÀ KHẲNG ĐỊNH LẠI LOÀI *Stereospermum fimbriatum* PHÂN BỐ Ở VIỆT NAM

**DẶNG VĂN SƠN**

*Viện Sinh học Nhiệt đới,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

**TRẦN THẾ BÁCH, VŨ XUÂN PHƯƠNG**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Quao núi (*Stereospermum* Cham.) là chi thuộc họ Quao (Bignoniaceae) có khoảng 20 loài phân bố chủ yếu ở Châu Phi, Madagascar và khu vực Đông Nam Á [1]. Các nghiên cứu về phân loại chi này được công bố ở các nước lân cận Việt Nam như: Thái Lan có 4 loài [5], Trung Quốc có 3 loài [8], Lào có 4 loài và Campuchia có 4 loài [6]. Ở Việt Nam, theo Phạm Hoàng Hộ (2000) [3] thì Quao núi có 4 loài. Năm 2005, tác giả Vũ Xuân Phương trong Danh lục các loài thực vật Việt Nam [4] đã ghi nhận chi này có 5 loài, trong đó cập nhật thêm loài *S. fimbriatum* (Quao xẻ tua) theo một công bố trước đó của Phan Kế Lộc và cộng sự, tuy nhiên công bố này chỉ dựa vào “một mẫu hoa duy nhất được bên đồi ven rừng” ở VQG Yok Đôn để ghi nhận mới loài *S. fimbriatum* (Quao xẻ tua) cho hệ thực vật Việt Nam. Do vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi khẳng định lại về mặt phân loại cũng như phân bố của loài *S. fimbriatum* (Quao xẻ tua) trên cơ sở mẫu tiêu bản có đủ hoa quả thu được ngoài thực địa, đồng thời cung cấp khóa phân loại và cập nhật danh pháp, vùng phân bố và mẫu nghiên cứu cho tất các loài thuộc chi Quao núi ở Việt Nam.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu là mẫu vật của các loài thuộc chi Quao núi (*Stereospermum* Cham.) được thu thập ngoài thực địa kết hợp với các mẫu tiêu bản đang lưu giữ trong ở các Bảo tàng thực vật trong nước và quốc tế.

Sử dụng phương pháp hình thái so sánh để nghiên cứu chi Quao núi ở Việt Nam. Các đặc điểm hình thái được sử dụng để xây dựng khóa phân loại nhận dạng loài. Giá trị sử dụng của từng loài cũng được cập nhật theo kết quả điều tra ngoài thực địa kết hợp với tài liệu của Võ Văn Chi (2004) và Santisuk, T. & J. E. Vidal. (1985).

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả nghiên cứu chi Quao núi (*Stereospermum* Cham.) ở Việt Nam đã ghi nhận được 5 loài. Trong đó, loài *Stereospermum fimbriatum* (Quao trắng xẻ) được cung cấp bản mô tả chi tiết cùng với ảnh màu minh họa, các loài còn lại chi cập nhật danh pháp, vùng phân bố, mẫu nghiên cứu và công dụng của chúng.

#### STEREOSPERMUM Cham. – QUAO NÚI

Cham. 1832. *Linnaea* 7: 720; Dop, 1930. in *Fl. Gén. Indoch.* 4: 576; Santisuk, 1974. *Thai For. Bull. Bot.* 8: 22; Steenis, 1977. *Fl. Mal. I.* 8: 145; Santisuk & Vidal, 1985. *Fl. C.L.V.* 22: 27; Santisuk, 1987. *Fl. Thailand* 5.1: 42; Zhang & Santisuk, 1998. *Fl. China* 18: 217.

Cây gỗ, cành non thường có lông. Lá mọc đối, kép lông chim 1 lần, lẻ. Cụm hoa dạng xim, mọc ở nách lá hay đầu cành. Đài nhẵn hay có cạnh, thùy ngắn. Tràng hình chuông, có 5 thùy, gần bằng nhau. Nhị 4, hai dài, hai ngắn; chi nhị có lông hay không lông. Bầu nhụy dài, có 2 ô,

chứa nhiều noãn xếp thành dãy. Quả hình trụ vắn, xoắn hay thẳng. Hạt nhiều, dày, xếp thành 2 dãy, có cánh dạng màng.

*Typus: Stereospermum kunthianum* Cham.

**Khóa định loại các loài thuộc chi *Stereospermum* Cham. ở Việt Nam**

- 1A. Đài hoa hình ống hay hình chuông; tràng hoa dạng phễu, có ống hình trụ dài hơn rất nhiều so với đài; nhị không lông ở gốc.
  - 2A. Tràng hoa màu kem hay màu hồng nhạt, thùy chia tua có khía sâu .... 1. *S. fimbriatum*
  - 2B. Tràng hoa màu trắng, thùy chia tua có khía cạn hay lưỡng sóng.
    - 3A. Đài hoa hình ống, dài 1,7-2,2 cm, có gờ theo chiều dọc ..... 2. *S. cylindricum*
    - 3B. Đài hoa hình chuông, dài 0,8-1 cm, không có gờ theo chiều dọc ...3. *S. annamense*
- 1B. Đài hoa hình chuông; tràng hoa dạng ống hay chuông, có ống hình trụ ngắn được bao bọc một phần bởi đài; nhị có lông ở gốc
  - 4A. Quả có 4 cạnh nhỏ lên rất rõ; lá chét không lông ..... 4. *S. Tetragonum*
  - 4B. Quả có 4 cạnh mờ nhạt không rõ; lá chét có lông ..... 5. *S. neuranthum*

**1. *Stereospermum fimbriatum* (Wall. ex G. Don) DC. – Quao tràng xé**

DC. 1845. Prodr. 9: 211; Kurz, 1877. For. Fl. Burma 2: 231; Clarke, 1884. Fl. Br. Ind. 4: 383; Craib, 1911. Kew Bull. 1911: 433; Ridl. 1923. Fl. Mal. Pen. 2: 550; Dop, 1930. Fl. Gén. Indoch. 4: 578; Santisuk, 1974. Thai For. Bull. Bot. 8: 23; Steenis, 1977. Fl. Mal. I. 8: 146; Santisuk & Vidal, 1985. Fl. C.L.V. 22: 33; Santisuk, 1987. Fl. Thailand 5.1: 43; V. X. Phuong, 2005. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 3: 234. – *Bignonia fimbriata* Wall. ex D. Don, 1837. Gen. Hist. 4: 221. – *Stereospermum mekongense* Dop, 1930. Fl. Gén. Indoch. 4: 582.

Cây gỗ, cao 30-35 m. Lá kép lông chim 1 lần, dài 20-48 cm, có lông và tuyến nhầy; lá chét hình ngọn giáo hay xoan ngọn giáo, kích thước 6-15 x 3-6 cm; đầu nhọn có đuôi, gốc tròn lệch; bìa nguyên; có lông hung ở cả hai mặt. Cụm hoa mọc thành chùm xim, dài 15-30 cm, có lông và tuyến nhầy, mang nhiều hoa. Đài hình ống trụ ngắn, dài 1-1,8 cm, thùy 5, có lông. Tràng có dạng hình phễu, màu kem hay hồng nhạt; thùy có tua sâu, mép có khía; ống tràng khoảng 4-5,5 cm. Nhị 4, hai cặp so le nhau, chỉ nhị không lông ở gốc. Bầu nhụy mang nhiều noãn, xếp thành dãy; vòi nhụy dài 3-3,5 cm. Quả nang hình trụ vắn, dài 35-65 cm, có lông. Hạt xếp thành dãy, màu trắng đục, kích thước 1,5-2,5 x 0,5-1 cm, bao gồm cả cánh.

*Loc. class:* Burma. *Typus:* Wallich 6500 (K).

*Sinh học và sinh thái:* Mùa hoa tháng 3-5, quả tháng 7-11. Cây mọc trong rừng thứ sinh, rừng khộp, vùng ẩm ven suối.

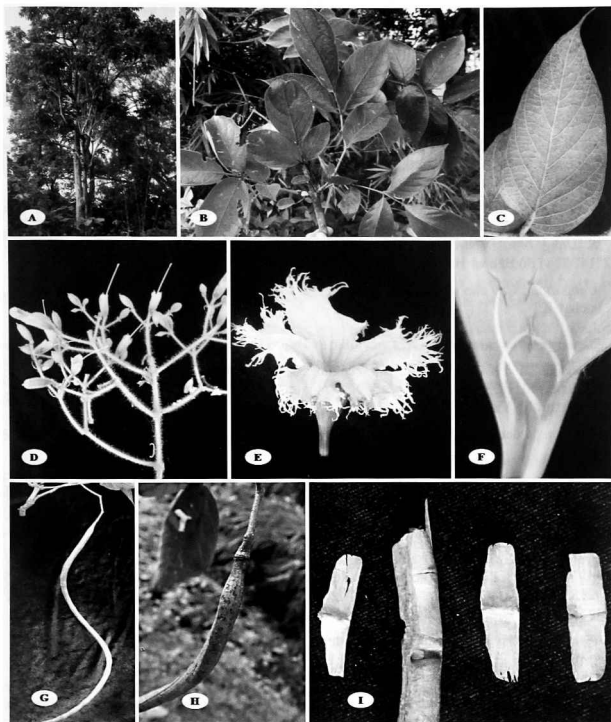
*Phân bố:* Đắc Lắc (VQG Yok Đôn). Còn có ở Mianma, Lào, Thái Lan và Malaixia.

*Mẫu nghiên cứu:* ĐẮK LẮK, *V. S. Dang* 208 (VNM) thu ngày 25/10/2014 và *V. S. Dang* 208a (VNM) thu ngày 10/03/2015 tại VQG Yok Đôn, nơi có tọa độ địa lý 20°54'37" vĩ độ Bắc và 107°48'18" kinh độ Đông.

*Công dụng:* Cây cho gỗ dùng trong xây dựng. Ngoài ra, rễ và lá của loài này cũng được dùng làm thuốc chữa bệnh [6].

*Ghi chú:* Loài này được ghi nhận bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam vào năm 2008 bởi GS. Phan Kế Lộc và cộng sự thông qua "mẫu hoa duy nhất nhất được bên đời ven rừng" với số hiệu

mẫu HLF7284 thu ngày 21/03/2008 tại VQG Yok Đôn. Năm 2005, tác giả Vũ Xuân Phương cập nhật tên cho họ Quao (Bignoniaceae) trong "Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 3, trang 234" dựa vào công bố trên. Đây là lần đầu tiên chúng tôi thu được mẫu vật có hoa, quả để khẳng định chắc chắn về mặt phân loại và phân bố của loài này ở Việt Nam.



Hình 1: *Stereospermum fimbriatum* (Quao xê tua)

A: Dạng sống; B: Cành mang lá kép; C: Lá chét; D: Cụm hoa; E: Tràng hoa;  
F: Nhị hoa; G, H: Quả khô và cuống; I: Hạt và giá thể.

(ảnh: Đặng Văn Sơn)

**2. *Stereospermum cylindricum* Pierre ex Dop – Quao vàng**

Pierre ex Dop, 1930. Fl. Gén. Indoch. 4: 581; Phamh. 1972. Fl. S. Vietn. 2: 280; Santisuk, 1974. Thai For. Bull. Bot. 8: 22; Santisuk & Vidal, 1985. Fl. C.L.V. 22: 34; Santisuk, 1987. Fl. Thailand 5.1: 43; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 3: 88; V. X. Phuong, 2005. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 3: 233.

*Tên khác:* Quao trụ, Khé trụ, Ké hoa trắng.

*Loc. class.:* Thailand. *Typus:* Pierre 5426 (lecto.: P).

*Sinh học và sinh thái:* Mùa hoa tháng 5-9, quả tháng 7-4 năm sau. Cây mọc trong rừng thường xanh, rừng khộp, ven rừng, lên đến độ cao 900 m; tái sinh bằng hạt.

*Phân bố:* Bình Phước (VQG Bù Gia Mập), Đồng Nai (RPH Tân Phú), Khánh Hòa (Ba Ngòi), Đắk Lắk (VQG Yok Đôn), Bình Thuận (KBTTN Tà Kôu), Ninh Thuận (VQG Núi Chúa) và An Giang (Núi Cấm). Còn có ở Campuchia, Thái Lan.

*Mẫu nghiên cứu:* ĐẮK LẮK, *V. S. Dang 144* (VNM) thu ngày 25/10/2014 tại VQG Yok Đôn, nơi có tọa độ địa lý 12°54'52" vĩ độ Bắc và 107°45'23" kinh độ Đông. – BÌNH PHƯỚC, *V. S. Dang 144a* (VNM) thu ngày 10/12/2008 ở VQG Bù Gia Mập, nơi có tọa độ địa lý 12°14'38" vĩ độ Bắc và 107°10'17" kinh độ Đông.

*Công dụng:* Cây cho gỗ dùng trong xây dựng. Rễ, lá và hoa được dùng làm thuốc chữa sốt, li, ỉa chảy [2].

**3. *Stereospermum annamense* A. Chevalier ex Dop – Quao trung bộ**

Chevalier, 1919. Cat. Pl. Jard. Bot. Saigon: 35; Dop, 1926. Bull. Mus. Nat. Hist. Nat. 32: 183; Dop, 130. Fl. Gén. Indoch. 4: 580; Santisuk & Vidal, 1985. Fl. C.L.V. 22: 37; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 3: 88; V. X. Phuong, 2005. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 3: 233.

*Tên khác:* Quao xanh, Ké xanh, Ké núi.

*Loc. class.:* Vietnam. *Typus:* Poilane 60 (holo.: P).

*Sinh học và sinh thái:* Mùa hoa tháng 6-9, quả tháng 10-12. Cây mọc trong rừng thường xanh, rừng khộp, ven rừng, ở độ cao lên đến 700 m.

*Phân bố:* Mới tìm thấy ở Khánh Hòa (KBTTN Hòn Bà, Canh Ranh).

*Mẫu nghiên cứu:* KHÁNH HÒA, *V. S. Dang 200* và *V. S. Dang 200bis* (VNM) thu ngày 28/10/2013 tại KBTTN Hòn Bà, nơi có tọa độ địa lý 12°09'28" vĩ độ Bắc và 109°02'49" kinh độ Đông và *V1582* (VNM) thu ngày 12/07/2014 tại KBTTN Hòn Bà, nơi có tọa độ địa lý 12°07'51" vĩ độ Bắc và 109°01'59" kinh độ Đông.

*Công dụng:* Cây cho gỗ dùng trong xây dựng.

**4. *Stereospermum tetragonum* DC. – Quao núi bốn cạnh**

DC. 1838. Biblioth. Univers. (Genève) n.s. 17: 124. – *Bignonia colais* Buch.-Ham. ex Dillwyn, 1839. Rev. Hort. Mal. 6(26): 28. – *Dipterosperma personatum* Hassk. 1842. Flora 25: 28. – *Bignonia tetragona* Wall. ex DC. 1945. Prodr. 9: 211. – *Stereospermum personatum* (Hassk.) Chatterjee, 1948. Bull. Bot. Soc. Bengal 2: 70; Santisuk, 1973. Kew Bull. 28: 178; Santisuk, 1974. Thai For. Bull. Bot. 8: 26; Steenis, 1977. Fl. Mal. I. 8: 148. – *Stereospermum colais* (Buch.-Ham. ex Dillwyn) Mabb. 1978. Taxon 27: 553; Santisuk & Vidal, 1985. Fl.

C.L.V. 22: 31; Santisuk, 1987. Fl. Thailand 5.1: 44; Zhang & Santisuk, 1998. Fl. China 18: 217; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 3: 87; V. X. Phuong, 2005. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 3: 233.

*Tên khác:* Quao, Khé, Khé trụ, Tàu mốt.

*Loc. class.:* Indonesia (Java).

*Sinh học và sinh thái:* Mùa hoa tháng 3-7, quả 10-2 năm sau. Cây mọc trong rừng thường xanh, bìa rừng, ven các sông suối, ở độ cao lên đến 1000 m; tái sinh bằng hạt.

*Phân bố:* Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên-Huế, Đắk Lắk (Vườn Quốc gia Yok Đôn), Khánh Hòa (Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà), Ninh Thuận (Vườn Quốc gia Núi Chúa), Bình Thuận (Khu Bảo tồn thiên nhiên Tà Kóu), Bình Phước (Vườn Quốc gia Bù Gia Mập), Đồng Nai (Vườn Quốc gia Cát Tiên), Tp. Hồ Chí Minh, An Giang (Núi Cấm). Còn có ở Bangladesh, Xri Lanca, Nêpan, Ấn Độ, Mianma, Thái Lan, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Malaixia.

*Mẫu nghiên cứu:* ĐẮK LẮK, *V. S. Dang 149* (VNM) thu ngày 25/10/2014 tại VQG Yok Đôn, nơi có tọa độ địa lý 12°54'52" vĩ độ Bắc và 107°44'19" kinh độ Đông. – BÌNH THUẬN, *V. S. Dang 149a* (VNM) thu ngày 24/08/2014 ở KBTTN Tà Kóu, nơi có tọa độ địa lý 10°49'30" vĩ độ Bắc và 107°54'12" kinh độ Đông.

*Công dụng:* Cây có dáng đẹp, có thể trồng làm cảnh trong khuôn viên sân vườn. Lá, rễ và hoa được dùng làm thuốc chữa sốt [2]. Gỗ cứng và thẳng được dùng trong xây dựng.

*Ghi chú:* Các tài liệu công bố trong nước cũng như các nước lân cận đều sử dụng tên của loài này là *Stereospermum colais* (Buch.-Ham. ex Dillwyn) Mabb., tuy nhiên theo các công bố cập nhật danh pháp mới nhất [9] thì *S. colais* là synonym của *Stereospermum tetragonum* DC. Qua kết quả nghiên cứu về đặc điểm hình thái học và phân tử, chúng tôi đồng quan điểm với danh pháp mới này và cập nhật nó cho hệ thực Việt Nam.

##### 5. *Stereospermum neuranthum* Kurz – Quao núi

Kurz, 1873. Journ. Asiat. Soc. Bengal 42: 91; Kurz, 1877. Fl. Burm. 2: 230; Clarke, 1884. Fl. Br. Ind. 4: 382; Craib, 1911. Kew Bull. 1911: 433; Dop, 1930. Fl. Gén. Indoch. 4: 582; Santisuk, 1973. Kew Bull. 28: 175; Santisuk, 1974. Thai For. Bull. Bot. 8: 23; Santisuk & Vidal, 1985. Fl. C.L.V. 22: 29; Santisuk, 1987. Fl. Thailand 5.1: 45; Zhang & Santisuk, 1998. Fl. China 18: 218; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 3: 88; V. X. Phuong, 2005. Checkl. Pl. Spec. Vietn. 3: 234. – *Stereospermum wallichii* Clarke, 1884. Fl. Br. Ind. 4: 383. – *Stereospermum grandiflorum* Cubitt & W.W. Smith, 1911. Rec. Bot. Surv. India 4: 280. – *Stereospermum wallichii* (Clarke) Chatterjee, 1948. Bull. Bot. Soc. Bengal 2: 72.

*Tên khác:* Quao, Khé núi.

*Loc. class.:* Burma. *Typus:* Kurz 2278 (K).

*Sinh học và sinh thái:* Mùa hoa tháng 4-6, quả tháng 7-11. Cây mọc rải rác trong rừng thưa, rừng thứ sinh, rừng khộp, ở độ cao lên đến 1200 m.

*Phân bố:* Thừa Thiên-Huế, Đắk Lắk (VQG Yok Đôn), Ninh Thuận (Phan Rang), Khánh Hòa (Nha Trang). Còn có ở Ấn Độ, Mianma, Thái Lan, Lào, Campuchia.

*Mẫu nghiên cứu:* ĐẮK LẮK, *V. S. Dang 207* (VNM) thu ngày 25/10/2014 tại VQG Yok Đôn, nơi có tọa độ địa lý 12°54'57" vĩ độ Bắc và 107°43'47" kinh độ Đông.

*Công dụng:* Cây cho gỗ dùng trong xây dựng.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Callmander, M. W., P. B. Phillipson & G. E. Schatz, 2012. Two new species *Stereospermum* (Bignoniaceae) from Madagascar, *Novon*, 22 (2): 141-147.
2. Võ Văn Chi, 2004. Từ điển thực vật thông dụng, Nxb. KHKT, Tp. Hồ Chí Minh, Quyển 2: 2347-2348.
3. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam (An illustrated flora of Vietnam), Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, Quyển 3: 83-93.
4. Vũ Xuân Phương (Chủ biên: Nguyễn Tiến Bản), 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, Tập 3: 233-234.
5. Santisuk, T., 1987. Bignoniaceae. In: Smitinand, T. & K. Larsen (eds.) Flora of Thailand, The Forest Herbarium, Royal Forest Department, Bangkok, Vol. 5 (1): 32-66.
6. Santisuk, T. & J. E. Vidal, 1985. Bignoniaceae. In: Aubreville, A. (ed.) Flore Cambodge, Laos et du Vietnam, Muséum National D'histoire Naturelle, Paris, Vol. 22: 1-71.
7. Schatz, G. E. 2001. Generic tree flora of Madagascar, Royal Botanic Gardens, Kew.
8. Zhang, Z. Y. & T. Santisuk, 1998. In: Z. Y. Wu & P. H. Raven (eds.) Flora of China, Science Press, Beijing & Missouri Botanical Garden Press, St. Louis, Vol. 18: 213-225.
9. <http://www.theplantlist.org/>

**ON THE OCCURRENCE OF *Stereospermum fimbriatum* AND GENUS  
*Stereospermum* Cham. IN VIET NAM**

**DANG VAN SON, TRAN THE BACH, VU XUAN PHUONG**

**SUMMARY**

*Stereospermum* Cham. is a genus of at least 20 species distributed from Africa and Madagascar to Southeast Asia. This genus can be recognized easily by its flowers having a narrowly cylindrical corolla tube and its cylindric, podlike fruit having a bony texture and with seed chamber possessing alternating deep cavities in which the seeds are seated. In Vietnam, 5 species of *Stereospermum* have been recorded: *S. fimbriatum* (Wall. ex G. Don) DC., *S. cylindricum* Pierre ex Dop, *S. annamense* A. Chevalier ex D, *S. tetragonum* DC. and *S. neuranthum* Kurz. Among these, the taxonomic status of *S. fimbriatum* was unclear due to lack of voucher specimens in various herbaria. Present paper provides species description with color photographs of this taxon; and an updated nomenclature, ecological and biological characters, distribution, voucher specimen details, information on uses and a key to all species of *Stereospermum*.